

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/DS-PT  
Ngày: 14 - 02 - 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Nữ Phà Ca

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũng  
Bà Đặng Thị Ánh Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 407/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Quốc H (tên gọi khác Bi); Địa chỉ: Số F, đường T, Phường D, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Quốc H:** Luật sư Nguyễn Thành T – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

- **Bị đơn:**

- Bà Trần Hoàng Phi P.
- Ông Trương Hoàng H1.

Cùng địa chỉ: số G, ấp L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Hoàng Phi P:*  
Luật sư Hà Văn V – Văn phòng Luật sư Hà Văn V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Quốc H, Bị đơn bà Trần Hoàng Phi P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 25/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Quốc H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H2 trình bày:*

Do quen biết làm ăn, vào ngày 16/6/2022 đến ngày 27/02/2024 vợ chồng bà Trần Hoàng Phi P và ông Trương Hoàng H1 có hỏi vay của anh Trần Quốc H 12 lần tiền, mục đích vay kinh doanh, 12 lần vay tiền đều có lập biên nhận mượn tiền do bà P ký nhận với tổng số tiền vay 8.088.600.000 đồng, khi vay mượn hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Thời gian hoàn trả vốn và lãi là 03 tháng của các biên nhận. Trong quá trình vay mượn, bên phía bị đơn bà P và ông H1 đã thực hiện nghĩa vụ đóng lãi cho phía nguyên đơn tổng cộng 08 tháng tiền lãi với số tiền 248.600.000 đồng từ tháng 10/2023 đến tháng 05/2024. Bà P, ông H1 đóng lãi không đầy đủ, anh H thường xuyên nhắc nhở. Nay anh H yêu cầu bà P và ông H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh H số tiền gốc của 12 biên nhận là 8.088.600.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, của từng biên nhận như sau:

- Lần vay thứ nhất, ngày 17/6/2023 với số tiền gốc là 120.000.000 đồng, lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 17/6/2023 đến ngày 25/5/2024 là 11 tháng 8 ngày với số tiền lãi là 22.443.200 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 142.443.200 đồng;

- Lần vay thứ hai, ngày 08/8/2023 với số tiền gốc là 500.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 08/8/2023 đến ngày 25/5/2024 là 9 tháng 17 ngày với số tiền lãi là 79.403.330 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 579.403.330 đồng;

- Lần vay thứ ba, ngày 11/8/2023 với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 11/8/2023 đến ngày 25/5/2024 là 9 tháng 14

ngày với số tiền lãi là 314.293.300 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 2.314.293.300 đồng;

- Lần vay thứ tư, ngày 17/8/2023 với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 17/8/2023 đến ngày 25/5/2024 là 09 tháng 08 ngày với số tiền lãi là 307.653.300 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 2.307.653.300 đồng;

- Lần vay thứ năm, ngày 23/8/2023 với số tiền gốc là 200.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 23/8/2023 đến ngày 25/5/2024 là 09 tháng 02 ngày với số tiền lãi là 30.301.330 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 230.301.330 đồng;

- Lần vay thứ sáu, ngày 25/8/2023 với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 25/8/2023 đến ngày 25/5/2024 là 09 tháng với số tiền lãi là 298.800.000 đồng. Đối với biên nhận này, bà P đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi được 248.600.000 đồng nên phần tiền lãi của biên nhận này là 50.200.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 2.050.200.000 đồng;

- Lần vay thứ bảy, ngày 30/8/2023 với số tiền gốc là 195.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 30/8/2023 đến ngày 25/5/2024 là 08 tháng 25 ngày với số tiền lãi là 28.593.500 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 223.593.500 đồng;

- Lần vay thứ tám, ngày 29/9/2023 với số tiền gốc là 213.600.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày 25/5/2024 là 07 tháng 26 ngày với số tiền lãi là 27.893.310 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 241.498.320 đồng;

- Lần vay thứ chín, ngày 28/10/2023 với số tiền gốc là 180.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 28/10/2023 đến ngày 25/5/2024 là 06 tháng 27 ngày với số tiền lãi là 20.617.200 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 200.617.200 đồng;

- Lần vay thứ mười, ngày 30/11/2023 với số tiền gốc là 180.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 30/11/2023 đến ngày 25/5/2024 là 05 tháng 25 ngày với số tiền lãi là 17.430.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 197.430.000 đồng;

- Lần vay thứ mười một, ngày 29/12/2023 với số tiền gốc là 200.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 29/12/2023 đến ngày 25/5/2024 là

04 tháng 26 ngày với số tiền lãi là 16.157.330 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 216.157.330 đồng;

- Lần vay thứ mười hai, ngày 27/02/2024 với số tiền gốc là 300.000.000 đồng với lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 27/02/2024 đến ngày 25/5/2024 là 02 tháng 28 ngày với số tiền lãi là 14.608.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 929.593.800 đồng.

Tổng cộng anh H yêu cầu trả vốn và lãi là 9.018.193.800 đồng. Trong đó, vốn là 8.088.600.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 25/5/2024 là 929.593.800 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đối với Đơn yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Hoàng Phi P, nguyên đơn anh H có ý kiến như sau: 06 biên nhận bà P cho rằng lãi nhập vốn thì anh H khẳng định đây là vốn vay, không phải lãi nhập vốn.

Đối với các biên nhận bị đơn nạy ra 06 biên nhận vay các ngày 17/02/2022, 25/7/2022, 11/8/2022, 23/8/2022, 08/12/2022, 27/02/2023 thì nguyên đơn và bị đơn đã quyết toán xong, không liên quan đến 12 biên nhận nguyên đơn anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà P trả từ ngày 17/6/2023 đến ngày 27/02/2024 với tổng số tiền vốn là 8.088.600.000 đồng.

*Theo Đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Hoàng Phi P trình bày:*

Do quen biết với anh H nên bà P đã vay tiền từ anh H tổng số tiền 7.000.000.000 đồng với 06 lần vay lần lượt như sau:

- Lần vay thứ 01: Ngày 17/02/2022, vay số tiền 2.000.000.000 đồng, vay không thời hạn, có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 17/02/2022 đến tháng 12/2023 (22 tháng) thì bà P đã đóng lãi được 16 tháng với tổng tiền lãi là 960.000.000 đồng. Khoản vay này bà P vay giúp cho ông Trần Hoàng D. Khoản vay này đến khi chưa trả lãi hết anh H kêu đòi biên nhận thành biên nhận ngày 17/8/2023.

Nếu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 17/02/2022 đến ngày 07/8/2024 (ngày hoà giải) (30 tháng) thì tổng tiền lãi phải trả là 996.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 960.000.000 đồng bà P đã trả cho anh H thì bà P còn nợ anh H tiền vốn là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 36.000.000 đồng.

- Lần vay thứ 02: Ngày 25/7/2022, vay số tiền 2.000.000.000 đồng, vay

không thời hạn, có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 17/02/2022 đến tháng 12/2023 (17 tháng) thì bà P đã đóng lãi được 12 tháng với tổng tiền lãi là 720.000.000 đồng. Khoản vay này bà P vay giúp cho ông Trần Hoàng D số tiền 500.000.000 đồng với mục đích trả tiền nhân công và mua xe cuốc; vay giúp cho ông Trương Hoàng N số tiền 1.500.000.000 đồng với mục đích mua xe cuốc và xà lang để làm công trình đoạn sông C; Khoản vay này do chưa đóng lãi nên anh H kêu đòi thành biên nhận ngày 25/8/2023.

Nếu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 25/7/2022 đến ngày 07/8/2024 (ngày hoà giải) (24 tháng) thì tổng tiền lãi phải trả là 796.800.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 720.000.000 đồng bà P đã trả cho anh H thì bà P còn nợ anh H tiền vốn là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 76.800.000 đồng.

- Lần vay thứ 03: Ngày 11/8/2022, vay số tiền 2.000.000.000 đồng, vay không thời hạn, có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 11/8/2022 đến tháng 12/2023 (16 tháng) thì bà P đã đóng lãi được 10 tháng với tổng tiền lãi là 600.000.000 đồng. Khoản vay này bà P vay giúp cho ông Trần Hoàng D số tiền 1.000.000.000 đồng với mục đích mua vật tư hoàn thành xưởng; vay giúp cho bà Nguyễn Thị C số tiền 1.000.000.000 đồng mục đích ươm cây giống và kinh doanh. Khoản vay này anh H yêu cầu đòi thành biên nhận ngày 11/8/2023.

Nếu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 11/8/2022 đến ngày 07/8/2024 (ngày hoà giải) (24 tháng) thì tổng tiền lãi phải trả là 796.800.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 600.000.000 đồng bà P đã trả cho anh H thì bà P còn nợ anh H tiền vốn là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 196.800.000 đồng.

- Lần vay thứ 04: Ngày 23/8/2022, vay số tiền 200.000.000 đồng, vay không thời hạn, có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 23/8/2022 đến tháng 12/2023 (16 tháng) thì bà P đã đóng lãi được 13 tháng với tổng tiền lãi là 78.000.000 đồng. Khoản vay này anh H yêu cầu đòi thành biên nhận ngày 23/8/2023.

Nếu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/8/2022 đến ngày 07/8/2024 (ngày hoà giải) (23 tháng) thì tổng tiền lãi phải trả là 76.360.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 78.000.000 đồng bà P đã trả cho anh H thì bà P còn nợ anh H tiền vốn và lãi là 198.360.000 đồng.

- Lần vay thứ 05: Ngày 08/12/2022, vay số tiền 500.000.000 đồng, vay không thời hạn, có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 08/12/2022 đến tháng 12/2023 (12 tháng) thì bà P đã đóng lãi được 10 tháng với tổng tiền lãi

là 150.000.000 đồng. Khoản vay này anh H yêu cầu đổi thành biên nhận ngày 08/8/2023.

Nếu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 08/12/2022 đến ngày 07/8/2024 (ngày hoà giải) (20 tháng) thì tổng tiền lãi phải trả là 166.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 150.000.000 đồng bà P đã trả cho anh H thì bà P còn nợ anh H tiền vốn là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 16.000.000 đồng.

- Lần vay thứ 06: Ngày 27/02/2023, vay số tiền 300.000.000 đồng, vay không thời hạn, có làm biên nhận, lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 27/02/2023 đến tháng 12/2023 (10 tháng) thì bà P đã đóng lãi được 07 tháng với tổng tiền lãi là 63.000.000 đồng. Khoản vay này anh H yêu cầu đổi thành biên nhận ngày 27/02/2024.

Nếu tính mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 27/02/2023 đến ngày 07/8/2024 (ngày hoà giải) (17 tháng) thì tổng tiền lãi phải trả là 84.660.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền lãi 63.000.000 đồng bà P đã trả cho anh H thì bà P còn nợ anh H tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 21.660.000 đồng.

Đối chiếu với 06 lần vay trên, bà P đã trả lãi cho anh H tổng tiền lãi là 2.571.000.000 đồng. Nay bà P đồng ý trả cho nguyên đơn anh H số tiền vốn 7.000.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng của 06 biên nhận ngày 17/02/2022, 25/7/2022, 11/8/2022, 23/8/2022, 08/12/2022, 27/02/2023 tính đến ngày 16/9/2024 là 3.069.506.412 đồng, sau khi khấu trừ tổng tiền lãi 2.747.400.000 đồng bà đã đóng lãi cho anh H, còn lại tiền lãi là 322.106.412 đồng, trừ đi số tiền 19.800.000 đồng số tiền lãi của 06 biên nhận bà yêu cầu vô hiệu. Bà P đồng ý trả cho anh H tổng số tiền 7.302.306.412 đồng bao gồm tiền vốn vay 7.000.000.000 đồng và tiền lãi 302.306.412 đồng.

Đối với 12 biên nhận mà nguyên đơn anh H đã nêu thì bà P không đồng ý, bà yêu cầu vô hiệu 12 biên nhận vì bà P cho rằng đó là biên nhận lãi không phải biên nhận vốn và là biên nhận viết lại. Bà P yêu cầu anh H phải trả lại cho bà số tiền lãi bà đã đóng của 06 biên nhận.

Biên nhận ngày 29/12/2023 với số tiền 200.000.000 đồng. Vì 06 biên nhận này là tiền lãi của 06 biên nhận nợ gốc các biên nhận gốc năm 2022, đã trả tiền lãi 2.571.000 đồng, thời điểm này lãi 3%/tháng, nhưng đến nay là lãi phải trả là 1,66% = 2.916.620 đồng, trừ lại bà P phải trả vốn và lãi là 7.345.620.000 đồng và tiền lãi của biên nhận ngày 17/6/2023 với số tiền là 120.000.000 đồng, biên nhận ngày 28/10/2023 số tiền 180.000.000 đồng, và biên nhận ngày

30/11/2023 số tiền 180.000.000 đồng.

Yêu cầu anh Hoàn T1 cho bà P số tiền đã đóng lãi của 06 biên nhận từ ngày 17/6/2023 đến biên nhận ngày 29/12/2023 là 19.800.000 đồng.

Nay bà P đồng ý trả cho anh H số tiền gốc và lãi là 7.345.620.000 đồng, được bù trừ 19.800.000 đồng, bà P đồng ý trả cho anh H 7.325.820.000 đồng. Yêu cầu hủy 12 biên nhận của anh H cung cấp.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Hoàng H1 có bản khai trình bày:*

Ông Trương Hoàng H1 có đơn xin vắng mặt nhưng có nộp bản khai ý kiến trình bày về sự việc này và ý kiến của ông H1 cho rằng đây là số tiền vay cá nhân của bà P, không phải là tài sản chung nên không đồng ý cùng bà P trả số tiền cho phía nguyên đơn. Ông H1 xin vắng mặt tại tất cả phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 117, 123, 463, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 45 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc H.

Buộc bà Trần Hoàng Phi P có nghĩa vụ phải thanh toán cho anh Trần Quốc H số tiền vay chưa trả vốn và lãi là 7.563.819.331 đồng (Bảy tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi một đồng), trong đó: tiền gốc là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) và tiền lãi là 563.819.331 đồng (Năm trăm sáu mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi một đồng).

2. Không chấp nhận của anh H yêu cầu ông Trương Hoàng H1 liên đới cùng bà P trả cho anh H số tiền 9.530.370.917 đồng.

3. Không chấp nhận anh H yêu cầu bà P trả số tiền là 1.966.551.586 đồng (Một tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi một ngàn năm trăm

tám mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 1.088.600.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 877.951.586 đồng (T2 trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm năm mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Hoàng Phi P. Vô hiệu 06 biên nhận cụ thể như sau: Biên nhận ngày 17/6/2023 vay 120.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/8/2023 vay 195.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/9/2023 vay 213.600.000 đồng; Biên nhận ngày 28/10/2023 vay 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/11/2023 vay 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/12/2023 vay 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn anh Trần Quốc H có đơn kháng cáo với nội dung: Anh Trần Quốc H không đồng ý với Quyết định của Bản án sơ thẩm về buộc bà Trần Hoàng P1 P trả cho anh số tiền vốn và lãi là 7.563.819.331 đồng. Lý do kháng cáo: Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Trần Hoàng Phi P và ông Trương Hoàng H1 trả cho anh Trần Quốc H số tiền vốn và lãi là 9.530.310.917 đồng, trong đó vốn là 8.088.600.000 đồng và tiền lãi là 1.441.770.917 đồng.

Ngày 02 tháng 10 năm 2024, bị đơn bà Trần Hoàng Phi P có đơn kháng cáo với nội dung: Bà Trần Hoàng Phi P không đồng ý một phần Bản án sơ thẩm về phần nhận định và tuyên xử bù trừ tiền lãi của bà đã trả, buộc bà phải có nghĩa vụ trả vốn lãi cho anh H là 7.563.819.331 đồng là thiệt hại cho bà.

Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, ghi nhận lại cho đúng chứng cứ tài khoản anh H nhận tiền lãi của bà tại Ngân hàng A và V1.

Chấp nhận cho bà được bù trừ thêm số tiền chuyển khoản 11.000.000 đồng và số tiền mặt là 240.000.000 đồng, cộng chung với số tiền trả lãi 2.516.200.000 đồng đã được cấp sơ thẩm chấp nhận bằng 2.767.200.000 đồng để bù trừ số tiền lại bà P phải trả cho anh H 1,66%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.080.819.333 đồng, bà P còn phải trả cho anh H tiền lãi 312.819.333 đồng, cộng với tiền vốn vay gốc là 7.000.000.000 đồng bằng 7.312.819.333 đồng.



Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh H yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh. Bị đơn bà P, ông H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh nợ vốn là 8.088.600.000 đồng và tiền lãi là 1.441.770.917 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 9.530.310.917 đồng. Anh H thừa nhận 06 biên nhận từ ngày 17/02/2022, ngày 25/7/2022, ngày 11/8/2022, ngày 23/8/2022, ngày 08/12/2022 và ngày 27/02/2023 tổng cộng số tiền 7.000.000.000 đồng bà P, ông H1 đã trả xong vốn, lãi cho anh trước ngày 17/6/2023 và không liên quan số tiền vay 8.088.600.000 đồng anh khởi kiện trong vụ án này.

Bị đơn bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà xác định chỉ vay và còn nợ anh H số tiền vốn 7.000.000.000 đồng theo 06 biên nhận vay từ ngày 17/02/2022, ngày 25/7/2022, ngày 11/8/2022, ngày 23/8/2022, ngày 08/12/2022 và ngày 27/02/2023. Còn lại 12 biên nhận vay anh H khởi kiện trong vụ án này số tiền 8.088.600.000 đồng, gồm: 06 biên nhận vốn đổi lại số tiền 7.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi nhập vốn anh H yêu cầu bà viết biên nhận vay số tiền 1.088.600.000 đồng. Vì vậy bà P yêu cầu khấu trừ số tiền lãi bà đã đóng cho anh H từ ngày 17/02/2022 đến khi tranh chấp vào tiền vốn, lãi theo quy định. Sau khi khấu trừ, bà còn phải trả cho anh H tiền lãi 312.819.333 đồng, cộng với tiền vốn vay gốc là 7.000.000.000 đồng. Tổng cộng bà đồng ý trả là 7.312.819.333 đồng. Số tiền vay trên bà vay cá nhân không sử dụng chung vào gia đình nên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo anh H buộc bà và ông H1 liên đới trả số tiền vốn lãi bằng 9.530.310.917 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Trần Quốc H - Luật sư Nguyễn Thành T đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh H. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà P, ông H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H nợ vốn là 8.088.600.000 đồng và tiền lãi là 1.441.770.917 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 9.530.310.917 đồng. Tất cả 12 biên nhận nguyên đơn khởi kiện, bị đơn thừa nhận do bị đơn viết, ký tên và nội dung các biên nhận đều không thể hiện tiền lãi nhập vốn. Ông H1 là chồng bà P vay tiền phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ quy định Luật Hôn nhân gia đình thì ông H1 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho anh H là đúng quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Hoàng Phi P - Luật sư Hà Văn V đề nghị: Chấp toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà P. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu khấu trừ số tiền lãi bà P đã đóng cho anh H từ ngày 17/02/2022 đến khi tranh chấp vào tiền vốn, lãi bà P có nghĩa vụ trả cho anh H theo quy định. Sau khi khấu trừ, bà P còn phải trả cho anh H tiền lãi 312.819.333 đồng, cộng với tiền vốn vay gốc là 7.000.000.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 7.312.819.333 đồng. Bà P vay anh H số tiền 7.000.000.000 đồng là vay cá nhân bà P, không sử dụng chung vào gia đình nên án sơ thẩm không buộc ông H1 liên đới trả vốn, lãi là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Quốc H; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Hoàng Phi P.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm. Buộc bà Trần Hoàng Phi P có nghĩa vụ trả cho anh Trần Quốc H tổng số tiền gốc và lãi là 7.552.819.331 đồng (trong đó, tiền gốc là 7.000.000.000 đồng, tiền lãi 552.819.331 đồng).

- Về án phí: Do sửa án nên phần án phí được xác định lại:

+ Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 71.326.530 đồng.

+ Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 115.552.819 đồng.

+ Về án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trương Hoàng H1 đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại cấp phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương

Hoàng H1.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo anh H cho rằng từ ngày 17/6/2023 đến ngày 27/02/2024 anh có cho bà P, ông H1 vay tổng cộng 12 lần bằng số tiền 8.088.600.000 đồng, vay có biên nhận do cá nhân bà P viết, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Cụ thể gồm: Biên nhận ngày 17/6/2023, số tiền 120.000.000 đồng; Biên nhận ngày 08/8/2023, số tiền 500.000.000 đồng; Biên nhận ngày 11/8/2023, số tiền 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 17/8/2023, số tiền 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 23/8/2023, số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 25/8/2023, số tiền 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/8/2023, số tiền 195.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/9/2023, số tiền 213.600.000 đồng; Biên nhận ngày 28/10/2023, số tiền 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/11/2023, số tiền 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/12/2023, số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 27/02/2024, số tiền 300.000.000 đồng.

Còn bà P thì không thừa nhận và cho rằng từ 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023 bà P có vay anh H 06 lần bằng số tiền 7.000.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà P đóng lãi cho ông H nhiều lần bằng hình thức trả tiền mặt và chuyển khoản cho anh H tổng cộng số tiền là 2.747.400.000 đồng. Riêng những tháng do bà không có tiền đóng lãi nên anh H buộc bà ghi biên nhận nợ cho anh H gồm 06 biên nhận, tổng cộng số tiền là 1.088.600.000 đồng, Cụ thể: biên nhận ngày 17/6/2023 số tiền 120.000.000 đồng; ngày 30/8/2023, số tiền 195.000.000 đồng; ngày 29/9/2023, số tiền 213.600.000 đồng; ngày 28/10/2023, số tiền 180.000.000 đồng; ngày 30/11/2023, số tiền 180.000.000 đồng; ngày 29/12/2023, số tiền 200.000.000 đồng. Còn lại, 06 biên nhận số tiền 7.000.000.000 đồng từ ngày 08/8/2023 đến ngày 27/02/2024 theo yêu cầu của anh H bà viết lại của 06 biên nhận vay các ngày từ 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023. Cụ thể:

- Vay ngày 17/02/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng, sau đổi ghi lại biên nhận mới ngày 17/8/2023;

- Vay ngày 25/7/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng, sau đổi ghi lại biên nhận mới ngày 25/8/2023;

- Vay ngày 11/8/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng, sau đổi ghi lại biên nhận mới ngày 11/8/2023;

- Vay ngày 23/8/2022, số tiền 200.000.000 đồng, sau đổi ghi lại biên nhận mới ngày 23/8/2023;

- Vay ngày 08/02/2022, số tiền 500.000.000 đồng, sau đổi ghi lại biên nhận mới ngày 08/8/2023.

- Vay ngày 27/02/2023, số tiền 300.000.000 đồng, sau đổi ghi lại biên nhận mới ngày 27/02/2024.

Xét anh H kháng cáo cho rằng 06 biên nhận vay từ 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023 số tiền 7.000.000.000 đồng bà P, ông H1 đã trả xong vốn, lãi cho anh H trước ngày 17/6/2023 và không liên quan gì đến 12 biên nhận anh khởi kiện bà P, ông H1 số tiền 8.088.600.000 đồng từ ngày 17/6/2023 đến ngày 27/02/2024. Anh H cho rằng đến thời điểm trước ngày 17/6/2023 bà P đã trả xong vốn, lãi các khoản vay trước đó. Đến ngày 17/6/2023 bà P vay lại số tiền 120.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và đến ngày 08/8/2023, bà P, vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hai bên thỏa thuận bà P trả lãi khi đến hết 30 ngày kể từ ngày viết biên nhận vay. Tuy nhiên, căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tính từ ngày 24/6/2023 đến ngày 20/7/2023 bà P chuyển khoản cho anh H thông qua các số tài khoản của anh Trần Quốc H tại Ngân hàng N1 (A) với số tài khoản 7301205058226 bằng số tiền 213.600.000 đồng. Nội dung các lần chuyển khoản bà P đều ghi “Tran Phi P2 ck tiền lãi”.

Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện từ ngày 26/7/2023 đến ngày 31/5/2024 bà P tiếp tục chuyển khoản cho anh H tại Ngân hàng N1 (A) với số tài khoản 7301205058226 và Ngân hàng TMCP N2 (V1) với số tài khoản 1033405514, với tổng số tiền lãi là 2.313.600.000 đồng. Tại phiên tòa, anh H thừa nhận các số tài khoản trên của anh và anh thừa nhận trong khoản thời gian trên có nhận số tiền 2.527.200.000 đồng do bà P chuyển khoản nhưng do lâu quá anh không nhớ tiền trên bà P chuyển nhằm mục đích gì. Còn bà P thì cho rằng số tiền lãi bà chuyển khoản cho anh H từ ngày 24/6/2023 đến tháng 5/2024 là bà đóng cho số tiền nợ vốn 7.000.000.000 đồng của 06 biên nhận vay từ 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023.

Xét Biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2024 của anh Trần Quốc H (BL 271-273), anh H thừa nhận năm 2022 có cho bà P vay rất nhiều lần và nhận lãi từ bà P thông qua hình thức chuyển khoản, các khoản vay đều đã được trả xong. Tuy nhiên, xét các Biên nhận gốc anh H cho bà P vay từ ngày 05/11/2021 đến 15/4/2022 (BL 437-441), các biên nhận này được bà P cung cấp là các khoản nợ mà bà đã tất toán với anh H và các biên nhận đều có chữ ký và ghi chữ “nhận

đủ” của anh H. So với các biên nhận của 06 khoản vay mà bà P thừa nhận (BL 340-345) thì không có dấu hiệu thể hiện bà P đã trả hết, chính bà P cũng thừa nhận bà trả các khoản này từ năm 2022 đến năm 2024 thì anh H khởi kiện bà tại Toà án. Đồng thời, như đã phân tích, các chứng từ chuyển khoản tiền lãi của bà P năm 2022 đều khớp về vốn vay gốc và lãi suất với 06 khoản vay năm 2022 phát sinh tại thời điểm chuyển lãi trên số tiền gốc theo lời trình bày của bà P.

Ngoài ra, theo các chứng từ và bảng kê (BL 37-192) bà P cung cấp tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy các chứng từ và bảng kê do bà P cung cấp thể hiện đúng diễn biến quá trình trả lãi của bà P phát sinh trên dư nợ gốc như lời trình bày của bà P như khớp thời gian, mức lãi suất 3%/tháng cho mỗi khoản vay và số tiền chuyển khoản trả lãi khi đến hạn hoặc không chuyển khoản thì bà P ghi biên nhận nợ mới đối với tiền lãi phát sinh.

Như vậy, có căn cứ xác định 06 biên nhận vay từ 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023 số tiền 7.000.000.000 đồng và 12 biên nhận từ ngày 17/6/2023 đến ngày 27/02/2024, số tiền 8.088.600.000 đồng là có liên quan nhau. Cụ thể: 06 biên nhận số tiền vay 7.000.000.000 đồng mà bà P cung cấp là biên nhận gốc, gồm: Biên nhận ngày 17/02/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 25/7/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 11/8/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 23/8/2022, số tiền 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 08/12/2022, số tiền 500.000.000 đồng; Biên nhận ngày 25/02/2023, số tiền 300.000.000 đồng và các biên nhận trên bà P chưa trả vốn, bà P đóng lãi từ ngày vay đến ngày 31/5/2024. Sáu (06) biên nhận do anh H cung cấp gồm: Biên nhận ngày 08/8/2023 với số tiền gốc là 500.000.000 đồng; Biên nhận ngày 11/8/2023 với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 17/8/2023 với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 23/8/2023 với số tiền gốc là 200.000.000 đồng; Biên nhận ngày 25/8/2023 với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng; Biên nhận ngày 27/02/2024 với số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Tổng cộng 7.000.000.000 đồng là các biên nhận bà P viết đổi lại của 06 biên nhận vay trước đó số tiền 7.000.000.000 đồng từ ngày 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023. Và 06 biên nhận còn lại gồm: Biên nhận ngày 17/6/2023, số tiền 120.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/8/2023, số tiền 195.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/9/2023, số tiền 213.600.000 đồng; Biên nhận ngày 28/10/2023, số tiền 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/11/2023, số tiền 180.000.000 đồng và biên nhận ngày 29/12/2023, số tiền 200.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh của số

tiền vay 7.000.000.000 đồng của 06 biên nhận vay từ ngày 17/02/2022 đến ngày 27/02/2023 nhưng khi đến hạn trả lãi bà P không có tiền đóng anh H buộc ghi biên nhận nợ. Cụ thể:

- Biên nhận ngày 17/6/2023, số tiền 120.000.000 đồng là nợ tiền lãi tháng 6 năm 2023 gồm: 60.000.000 đồng lãi biên nhận 17/02/2022; lãi 60.000.000 đồng biên nhận 11/8/2022.

- Biên nhận ngày 30/8/2023, số tiền 195.000.000 đồng là tiền nợ lãi tháng 8 năm 2023 gồm: 60.000.000 đồng lãi biên nhận 17/02/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 25/7/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 11/8/2022; 6.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 23/8/2022; 9.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 27/02/2023.

- Biên nhận ngày 29/9/2023, số tiền 213.600.000 đồng là tiền nợ lãi tháng 9 năm 2023 gồm: 60.000.000 đồng lãi biên nhận 17/02/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 25/7/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 11/8/2022; 6.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 23/8/2022; 15.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 08/12/2022; 9.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 27/02/2023; 3.600.000 đồng lãi biên nhận ngày 17/6/2023.

- Biên nhận ngày 28/10/2023, số tiền 180.000.000 đồng là tiền nợ lãi tháng 10 năm 2023 gồm: 60.000.000 đồng lãi biên nhận 17/02/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 25/7/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 11/8/2022.

- Biên nhận ngày 30/11/2023, số tiền 180.000.000 đồng là tiền nợ lãi tháng 11 năm 2023 gồm: 60.000.000 đồng lãi biên nhận 17/02/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 25/7/2022; 60.000.000 đồng lãi biên nhận ngày 11/8/2022.

- Biên nhận ngày 29/12/2023, số tiền 200.000.000 đồng là tiền nợ lãi tháng 12 năm 2023 của các biên nhận ngày 17/02/2022, ngày 25/7/2022, ngày 11/8/2022, ngày 23/8/2022, ngày 08/12/2022, ngày 27/02/2023, ngày 17/6/2023, ngày 28/10/2023 và ngày 30/11/2023 tổng số tiền theo biên nhận là 7.480.000.000 đồng x 3% = 224.400.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã chuyển khoản đóng 3.600.000 đồng lãi ngày 21/12/2023 + 5.000.000 đồng lãi ngày 26/12/2023 + 5.000.000 đồng lãi ngày 05/01/2024 + 10.800.000 đồng lãi ngày 12/01/2024 = 24.400.000 đồng. (kèm giấy chuyển tiền).

Ngoài ra, bà P cho rằng bà đóng lãi tiền mặt cho anh H số tiền

240.000.000 đồng nhưng anh H không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày về số tiền lãi đóng tiền mặt của bà P.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H và xác định bà P chi nợ vốn ông H từ ngày 17/02/2022 đến ngày 27/02/2024 tổng cộng là 7.000.000.000 đồng. Đồng ý khấu trừ tiền lãi bà P đã đóng từ ngày 24/6/2023 đến ngày 31/5/2024 tổng số tiền 2.527.200.000 đồng vào tiền gốc, lãi là có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H về việc buộc bà P, ông H1 trả tiền vốn 12 biên nhận số tiền 8.088.600.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo bà P về số tiền lãi: Ông H yêu cầu tính lãi suất 1.66%/tháng trên số tiền gốc 8.088.600.000 đồng bằng số tiền 1.441.770.917 đồng. Như đã phân tích, số tiền gốc thực tế anh H cho bà P vay dựa trên 06 biên nhận ngày 17/2/2022; ngày 25/7/2022; ngày 11/8/2022; ngày 23/8/2022; ngày 08/12/2022; ngày 27/02/2023 tổng cộng là 7.000.000.000 đồng. Theo đó, số tiền lãi tính từ ngày vay của các biên nhận trên đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng được cấp sơ thẩm đã tính là 3.080.019.331 đồng.

Xét các chứng từ, bảng kê và diễn biến quá trình trả lãi của 06 biên nhận vay năm 2022 mà bà P cung cấp tại cấp sơ thẩm, các khoản lãi mà bà P đã trả. Cụ thể:

- Biên nhận ngày 17/02/2022, số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Bà P đã đóng lãi với tổng số tiền 780.000.000 đồng thể hiện qua các chứng từ chuyển tiền lãi 60.000.000 đồng mỗi tháng qua Ngân hàng lần lượt các ngày 19/5/2022; 17/6/2022; 17/7/2022; 19/8/2022; 19/9/2022; 18/10/2022; 18/11/2022; 23/12/2022; 18/01/2023; 18/02/2023; 21/4/2023; 19/5/2023. Xét khoản lãi 120.000.000 đồng bà P trình bày là bà trả lãi bằng tiền mặt cho anh H cho tháng 3 và tháng 4 năm 2022, cấp phúc thẩm nhận thấy ngoài lời trình bày về việc trả lãi số tiền 120.000.000 đồng này thì bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, với biên nhận ngày 17/02/2022, toà cấp phúc thẩm có căn cứ xác định bà P đã đóng lãi cho anh H số tiền 780.000.000 đồng.

- Biên nhận vay ngày 25/7/2022, số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Bà P đã đóng lãi với tổng số tiền 600.000.000 đồng thể hiện qua các chứng từ chuyển tiền lãi 60.000.000 đồng mỗi tháng qua Ngân hàng lần lượt các ngày 26/8/2022; 27/9/2022; 26/10/2022; 28/11/2022; 27/12/2022; 02/02/2023; 27/02/2023; 26/3/2023; 26/4/2023; 27/5/2023.

- Biên nhận vay ngày 11/8/2022, số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Bà P đã đóng lãi với tổng số tiền 420.000.000 đồng thể hiện qua các chứng từ chuyển tiền lãi 60.000.000 đồng mỗi tháng qua Ngân hàng lần lượt các ngày 12/11/2022; 13/12/2022; 12/01/2023; 11/02/2023; 11/3/2023; 13/4/2023; 11/5/2023. Xét khoản lãi 120.000.000 đồng bà P trình bày là bà trả lãi bằng tiền mặt cho anh H cho tháng 9 và tháng 10 năm 2022, cấp phúc thẩm nhận thấy ngoài lời trình bày về việc trả lãi số tiền 120.000.000 đồng này thì bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, với biên nhận ngày 11/8/2022, toà cấp phúc thẩm có căn cứ xác định bà P đã đóng lãi cho anh H số tiền 420.000.000 đồng.

- Biên nhận vay ngày 23/8/2022, số tiền vay 200.000.000 đồng. Bà P đã đóng lãi với tổng số tiền 54.000.000 đồng thể hiện qua các chứng từ chuyển tiền lãi 6.000.000 đồng mỗi tháng qua Ngân hàng lần lượt các ngày 26/9/2022; 26/10/2022; 25/11/2022; 26/12/2022; 02/02/2023; 27/02/2023; 25/3/2023; 26/4/2023; 25/5/2023.

- Biên nhận vay ngày 08/12/2022, số tiền vay 500.000.000 đồng. Bà P đã đóng lãi với tổng số tiền 90.000.000 đồng thể hiện qua các chứng từ chuyển tiền lãi 15.000.000 đồng mỗi tháng qua ngân hàng lần lượt các ngày 11/01/2023; 09/02/2023; 10/3/2023; 10/4/2023; 10/5/2023; 13/6/2023.

- Biên nhận vay ngày 27/02/2023, số tiền vay 300.000.000 đồng. Bà P đã đóng lãi với tổng số tiền 27.000.000 đồng thể hiện qua các chứng từ chuyển tiền lãi 9.000.000 đồng mỗi tháng qua Ngân hàng lần lượt các ngày 30/3/2023; 29/4/2023; 29/5/2023.

Ngoài ra, bà P đã chuyển khoản cho anh H tiền lãi từ ngày 24/6/2023 đến ngày 31/5/2024, tổng cộng số tiền 556.200.000 đồng.

Như vậy, bà P đã trả lãi cho anh H tổng số tiền là 2.527.200.000 đồng. Số tiền này sẽ được căn trừ với số tiền lãi được tính lại tại cấp sơ thẩm 3.080.019.331 đồng (lãi suất 1,66%/tháng). Do đó, bà P có trách nhiệm trả cho anh H số tiền lãi còn lại cho anh H là 552.819.331 đồng (= 3.080.019.331 đồng – 2.527.200.000 đồng). Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bà P.

[4] Về việc anh H yêu cầu bà P và ông H1 liên đới trả tiền vay: Xét Bản tự khai của ông Trương Hoàng H1 trình bày rằng ông H1 hoàn toàn không biết việc bà P vay tiền của anh H và số tiền vay không được sử dụng vào việc sinh hoạt gia đình hay việc làm ăn chung của vợ chồng ông. Ông H1 cũng xác định



rằng bà P có tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân nên bà P tự chịu trách nhiệm bằng tài sản riêng đối với việc vay mượn này. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà P cũng khẳng định rằng việc bà P vay tiền của anh H hoàn toàn không liên quan đến ông H1, ông H1 hoàn toàn không biết mục đích bà P vay tiền của anh H. Đồng thời, bà P có trình bày rằng số tiền bà P vay của anh H là vay dùm cho người quen là ông Trần Hoàng D số tiền 3.500.000.000 đồng (BL 335, 339-340); bà Nguyễn Thị C số tiền 1.000.000.000 đồng (BL 337) và ông Trương Hoàng N số tiền 1.500.000.000 đồng (BL 336). Ông D, bà C và ông N đều thừa nhận việc nhờ bà P vay tiền dùm từ anh H. Anh H cho rằng khi cho vay anh cho bà P, ông H1 vay tiền nhưng các biên nhận vay chỉ có cá nhân bà P ký tên, và anh H cho rằng bà P vay tiền để sử dụng sinh hoạt gia đình của vợ chồng ông H1, bà P, nhưng ngoài lời trình bày thì anh H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình. Xét các biên nhận vay tiền chỉ có cá nhân bà P viết, ký tên, hoàn toàn không có chữ ký của ông H1, các biên nhận vay của không ghi rõ mục đích vay tiền và chỉ có bà P là người trả lãi cho anh H từ khi hai bên xác lập quan hệ vay tài sản, thể hiện qua chứng từ chuyển khoản mà bà P cung cấp cho Toà án. Như vậy, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông Trương Hoàng H1 biết việc bà Trần Hoàng Phi P vay tiền của anh Trần Quốc H, đồng thời không có căn cứ để xác định bà Trần Hoàng Phi P vay tiền của anh Trần Quốc H nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền vay của anh H là nợ riêng của bà P, không chấp nhận yêu cầu của anh H yêu cầu bà P và ông H1 liên đới trả tiền vay là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, cấp phúc thẩm nhận thấy yêu cầu kháng cáo của anh H yêu cầu ông Trương Hoàng H1 và bà Trần Hoàng Phi P liên đới trả cho anh H số tiền gốc 8.088.600.000 đồng và tiền lãi là 1.441.770.917 đồng là không có căn cứ. Yêu cầu kháng cáo của bà P là có căn cứ chấp nhận một phần đối với số tiền tại các chứng bà P trả lãi ngày 29/6/2022; ngày 17/4/202; ngày 08/5/2024; ngày 12/5/2024 vào tài khoản Ngân hàng mà anh H dùng để nhận tiền lãi chuyển khoản từ bà P là tại Ngân hàng A và V1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị bác yêu cầu khởi kiện là 1.977.551.586 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu năm

trăm năm mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 1.088.600.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 888.951.586 đồng (T2 trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng) là: 36.000.000 đồng + 3% (1.977.551.586 đồng – 800.000.000 đồng) = 71.326.548 đồng. (Làm tròn là 71.326.500 đồng).

Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc trả cho anh Trần Quốc H 7.552.819.331 đồng (Bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi một đồng), trong đó: tiền gốc là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) và tiền lãi là 552.819.331 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi một đồng) là: 112.000.000 đồng + 0,1% (7.552.819.331 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 115.552.819 đồng. (Làm tròn là 115.552.800 đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Hoàng Phi P. Vô hiệu 06 biên nhận cụ thể như sau: Biên nhận ngày 17/6/2023 vay 120.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/8/2023 vay 195.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/9/2023 vay 213.600.000 đồng; Biên nhận ngày 28/10/2023 vay 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/11/2023 vay 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/12/2023 vay 200.000.000 đồng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Quốc H. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Hoàng Phi P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 117, 123, 463, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc H (tên gọi khác B).

Buộc bà Trần Hoàng Phi P có nghĩa vụ phải trả cho anh Trần Quốc H (tên gọi khác B) số tiền vốn và lãi là 7.552.819.331 đồng (Bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi một đồng). Trong đó: tiền vốn là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) và tiền lãi là 552.819.331 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm ba mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc H (tên gọi khác B) về việc yêu cầu ông Trương Hoàng H1 liên đới cùng bà Trần Hoàng Phi P trả cho anh H số tiền vốn, lãi là 9.530.370.917 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Trần Quốc H (tên gọi khác B) yêu cầu bà Trần Hoàng Phi P trả số tiền là 1.977.551.586 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó tiền vốn là 1.088.600.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 888.951.586 đồng (Tám trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi một ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng).

4. Án phí:

Anh Trần Quốc H (tên gọi khác B) phải chịu 71.326.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 58.633.000 đồng theo biên lai thu số 1176 ngày 30/5/2024 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 1419 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L sẽ được khấu trừ. Buộc anh Trần Quốc H (tên gọi khác B) nộp tiếp số tiền 12.393.500 đồng (Mười hai triệu ba trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Bà Trần Hoàng Phi P phải chịu 115.552.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.155.000 đồng theo biên lai thu số 1365 ngày 30/7/2024 và tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 1451 ngày 03/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Buộc bà Phi P nộp tiếp số tiền 114.097.800 đồng (Một trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm đồng).

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Trần Hoàng Phi P. Vô hiệu 06 biên nhận cụ thể như sau: Biên nhận ngày 17/6/2023 vay 120.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/8/2023 vay 195.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/9/2023 vay 213.600.000 đồng; Biên nhận ngày 28/10/2023 vay 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 30/11/2023 vay 180.000.000 đồng; Biên nhận ngày 29/12/2023 vay 200.000.000 đồng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện L: 01;
- VKSND huyện L: 01;
- Chi Cục THADS huyện L: 01;
- Đương sự: 03;
- HCTP: 01;
- KTNV&THA: 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Nữ Phà Ca**